

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 90/2022/DS-PT

Ngày: 06-6-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Ngẫu.**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Phạm Thị Hồng Vân;**

2. Bà **Nguyễn Thanh Minh Châu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phổ**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bé Thi** - Kiểm sát viên.

Trong 02 ngày 30 tháng 5 và ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 70/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Kim H**, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: số 11, hẻm 60, đường CMT8, khu phố 7, phường 3, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà **Lê Thị Kiều D**, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: ấp A, xã N, Huyện C, tỉnh N (theo văn ủy quyền ngày 21-01-2022). Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Dương Tấn T**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: số 5, hẻm 60, đường CMT8, khu phố 7, phường 3, thành phố N, tỉnh N. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Việt H**, sinh năm 1964, địa chỉ: số 11, hẻm 60, đường CMT8, khu phố 7, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Kim H và người đại diện hợp pháp của bà H trình bày:

Vào ngày 20-5-2014, bà H cho ông Dương Tấn T (là em ruột bà H) vay số tiền 450.000.000 đồng để kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Bà giao tiền cho ông T 02 lần, lần 1 giao 300.000.000 đồng, lần 2 giao 150.000.000 đồng, ông T có viết giấy mượn nợ ghi ngày 20-5-2014 và hứa sau này bán đất trả. Trong giấy mượn nợ không ghi lãi suất, nhưng giữa hai bên có thỏa thuận miệng với nhau, ông T trả tiền lãi 3.000.000 đồng/1tháng và đã trả tiền lãi đến năm 2018 thì ngưng không trả tiếp. Bà H yêu cầu ông T trả cho bà số tiền 450.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Nguồn gốc số tiền cho ông T vay là do bà H vay của mẹ chồng bà H là bà Phan Thị G (hiện nay đã chết). Đến ngày 30-5-2019, bà vay Quỹ tín dụng nhân dân phường 3, thành phố N, tỉnh N số tiền 400.000.000 đồng và bỏ thêm tiền tích lũy của gia đình 50.000.000 đồng để trả nợ cho bà G.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Tấn T trình bày:

Ngày 20-5-2014, ông có vay tiền của bà H để kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Số tiền vay và số lần giao nhận tiền như bà H trình bày. Ông có viết giấy nợ cho bà H, thỏa thuận miệng trả tiền lãi cho bà H mỗi tháng 4.100.000 đồng, ông trả tiền lãi đến năm 2018 thì ngưng. Ngoài ra ông còn nợ bà Lê Thanh L số tiền 756.000.000 đồng theo (theo Bản án số 14/2019/DS-ST ngày 20-5-2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N) và nợ chị vợ là bà Nguyễn Thị L số tiền 700.000.000 đồng. Nay, ông đồng ý trả bà H số tiền vốn 450.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền lãi. Ông yêu cầu được chia tỷ lệ phần trăm số tiền ông được chia thừa kế theo Bản án số 109/2021/DS-PT ngày 21-5-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh N đang bị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh N kê biên để thi hành án cho bà Lê Thanh L, số tiền nợ bà Nguyễn Thị L, số tiền phải trả cho bà H theo bản án này và hỗ trợ cho ông 01 phần để ổn định cuộc sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Việt H trình bày thống nhất ý kiến của bà Dương Thị Kim H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 01-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Kim H đối với ông Dương Tấn T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tuyên bố “Hợp đồng dân sự vay tài sản” ngày 20-5-2014 giữa bà Dương Thị Kim H và ông Dương Tấn T là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 09-3-2022, bà Dương Thị Kim H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc ông Dương Tấn T trả cho bà số tiền 450.000.000 đồng; ông Nguyễn Việt H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm

theo hướng buộc ông Dương Tấn T trả cho bà H 450.000.000 đồng tiền vay gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bổ sung nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Thùy C (vợ ông T) cùng có trách nhiệm với ông T trả cho bà Dương Thị Kim H số tiền gốc 450.000.000 đồng.

- Bị đơn – ông Dương Tấn T đồng ý trả cho bà Dương Thị Kim H số tiền 450.000.000 đồng tiền vay gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi; đây là nợ ông vay riêng bản thân ông, vợ ông không biết nên không có trách nhiệm cùng ông trả nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn (bà Dương Thị Kim H) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Việt H), giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc bà Dương Thị Kim H và ông Nguyễn Việt H chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xét xử vụ án, tuyên án vào ngày 01-3-2022; ngày 09-3-2022, nguyên đơn (bà Dương Thị Kim H) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Việt H) kháng cáo; đơn kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với quy định Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Việt H) vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Thùy C (vợ ông T) cùng có trách nhiệm với ông T trả cho bà Dương Thị Kim H số tiền gốc 450.000.000 đồng. Yêu cầu này vượt quá kháng cáo ban đầu của bà Dương Thị Kim H.

[2] Xét kháng cáo của bà Dương Thị Kim H và ông Nguyễn Việt H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày có cho ông T (em ruột bà H) vay 450.000.000 đồng; giao nhận tiền làm 02 lần, lần 1 giao 300.000.000 đồng, lần 2 giao 150.000.000 đồng (bút lục số 31). Trong khi đó, ông T khai nhận tiền 02 lần, lần 1 nhận 400.000.000 đồng, lần 2 nhận 50.000.000 đồng (bút lục số 34).

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày số tiền khởi kiện ông T 450.000.000 đồng, trong đó, có 400.000.000 đồng tiền vay gốc và 50.000.000 đồng là tiền lãi; có lúc khai là giao tiền cho ông T vay 02 lần, lần 1 giao 400.000.000 đồng, lần 2 giao 50.000.00 đồng. Trong khi đó, ông T có lúc khai nhận tiền vay của bà H 02 lần, lần 1 nhận 200.000.000 đồng, lần 2 nhận 250.000.000 đồng; có lúc khai vay tiền bà H 400.000.000 đồng và nhận tiền một lần.

[2.3] Về tiền lãi: bà H trình bày cho ông T vay tiền, ông T trả tiền lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng, còn ông T trình bày trả tiền lãi cho bà H mỗi tháng 4.100.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H trình bày ông T chỉ trả lãi một lần được 4.100.000 đồng, trong khi đó ông T khai đã trả tiền lãi cho bà H mỗi tháng 4.000.000 đồng, trả được mười mấy lần, hiện chỉ còn nợ bà H 400.000.000 đồng tiền gốc. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho bà H và bị đơn - ông T trình bày và thống nhất ông T đã trả tiền lãi cho bà H mỗi tháng 3.000.000 đồng, trả đến năm 2018 thì ngưng.

[2.4] Như vậy, số tiền vay, các lần giao nhận tiền, trả tiền lãi các bên trình bày không thống nhất, mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn đối với chính lời trình bày của bản thân mỗi đương sự.

[3] Về nguồn tiền cho vay: bà H trình bày là do bà vay tiền của mẹ chồng bà tên Phan Thị G (ở thành phố H, tỉnh N) để cho ông T vay, số tiền này ông H (chồng bà) không biết; ông H khai việc bà H (vợ ông) mượn tiền của mẹ ruột ông cho ông T vay, ông không biết. Sau này, khi mẹ ông đòi tiền, ông mới biết. Lời trình bày này của ông H và bà H là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì, đây là số tiền lớn, khi bà H vay của bà G, không có ông H cùng tham gia thì chắc chắn bà G phải thông báo cho ông H biết, chứ không thể đến khi bà G đòi tiền, ông H mới biết. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã làm việc yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ nơi ở của bà Phan Thị G để Tòa án tiến hành xác minh để xác định có việc bà H vay tiền của bà G hay không, nhưng bà H từ chối không cung cấp.

[4] Mặt khác, bà H chỉ khởi kiện yêu cầu ông T trả 450.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi, ông T đồng ý trả tiền vay gốc 450.000.000 đồng và trả tiền lãi 50.000.000 đồng. Trong khi đó ông T còn phải thi hành án cho bà Lê Thanh L số tiền 756.000.000 đồng (theo Bản án số 14/2019/DS-ST ngày 10-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N), tài sản ông T được chia thừa kế trị giá bằng tiền là 704.000.000 đồng (theo Bản án số 109/2021/DS-PT ngày 21-5-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh N). Ông T yêu cầu được dùng số tiền được chia thừa kế theo Bản án số 109/2021/DS-PT để trả cho các chủ nợ, trong đó có số nợ ông đồng ý trả cho bà H trong vụ án này.

[5] Từ những phân tích trên, thấy rằng giao dịch vay tiền giữa bà Dương Thị Kim H với ông Dương Tấn T là giao dịch giả tạo, không có thật nhằm để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của ông T đối với bên thứ 3, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và tuyên bố giao dịch này vô hiệu do giả tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Bà H, ông H kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Kim H và ông Nguyễn Việt H, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Dương Thị Kim H và ông Nguyễn Việt H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Kim H và ông Nguyễn Việt H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST, ngày 01-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N.

Căn cứ khoản 2 Điều 124 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Kim H đối với ông Dương Tấn T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tuyên bố “Hợp đồng vay tài sản” ngày 20-5-2014 giữa bà Dương Thị Kim H và ông Dương Tấn T là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị Kim H phải chịu 11.000.000 đồng (mười một triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng (mười

một triệu) đồng theo biên lai thu số 0000549 ngày 18-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh N. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Dương Thị Kim H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0000849 ngày 11-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh N. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Việt H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0000848 ngày 11-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh N. Ông H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP Tây Ninh, tỉnh TN;
- Chi cục THADS TP Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Ngẫu